**NỘI DUNG BÀI THI PHẦN 1. NGÔN NGỮ**

**1.1 TIẾNG VIỆT**

1. Phần gạch chân trong câu văn: *Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều”*, là thành phần nào của câu?
	1. Thành phần tình thái **B.** Thành phần gọi – đáp

**C.** Thành phần cảm thán **D.** Thành phần phụ chú.

1. *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* thể hiện nhiều mối quan hệ. Mối quan hệ nào sau đây không phải là mối quan hệ được thể hiện trong truyện?
	1. Mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng
	2. Mối quan hệ giữa gia đình và Tổ quốc
	3. Mối quan hệ giữa tình yêu cá nhân và tình yêu Tổ quốc
	4. Mối quan hệ giữa mẹ ghẻ và con chồng
2. “*Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,/Yên ba tam nguyệt há Dương Châu./Cô phàm viễn ảnh bích không tận,/Duy kiến trường giang thiên tế lưu.”* (*Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* – Lý Bạch)

Đoạn thơ được viết theo thể thơ:

* 1. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật **B.** Ngũ ngôn.

**C.** Song thất lục bát. **D.** Tự do.

1. Đoạn văn: *“Cô bé bên nhà hàng xóm đã quen với công việc này. Nó lễ phép hỏi Nhĩ: “Bác cần nằm xuống phải không ạ?”* (Nguyễn Minh Châu, *Bến quê*) đã sử dụng phép liên kết nào?
	1. Phép nối **B.** Phép thế **C.** Phép lặp **D.** Phép liên tưởng
2. Điền vào chỗ trống trong câu thơ: “*Nhà em có một giàn giầu, / Nhà anh có một … liên phòng”* (*Tương tư*

– Nguyễn Bính)

* 1. Hàng tre **B.** Hàng chuối **C.** Hàng mơ **D.** Hàng cau
1. Câu văn nào sau đây mắc lỗi dùng từ?
	1. Mùa xuân đã đến thật rồi! **B.** Anh ấy là người có tính khí rất nhỏ nhoi.

**C.** Em bé trông dễ thương quá! **D.** Bình minh trên biển thật đẹp.

1. Qua tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã thể hiện rõ điều nào dưới đây?
	1. Sức sống tiềm tàng của những con người Tây Bắc
	2. Vẻ đẹp của thiên nhiên Nam Bộ
	3. Vẻ đẹp tâm hồn của người Nam Bộ
	4. Lòng yêu nước của những con người làng Xô Man
2. Dòng nào sau đây nêu chính xác các từ láy?
	1. Xinh xinh, thấp thoáng, buôn bán, bạn bè. **B.** Tươi tắn, đẹp đẽ, xa xôi, tươi tốt.

**C.** Đỏ đen, lom khom, ầm ầm, xanh xanh. **D.** Lấp lánh, lung linh, lao xao, xào xạc.

1. Chọn từ viết sai chính tả trong các từ sau:
	1. Lãng mạn **B.** Sáng lạng **C.** Xuất sắc **D.** Trau chuốt
2. Xác định từ sử dụng sai trong câu sau: “*Ông họa sĩ già nhấp nháy bộ ria mép, đăm chiêu nhìn bức tranh treo trên tường.”*
	1. ria mép **B.** đăm chiêu **C.** nhấp nháy **D.** bức tranh
3. Xét theo mục đích nói, câu: *Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương*, thuộc kiểu câu gì?
	1. Câu trần thuật **B.** Câu cảm thán **C.** Câu nghi vấn **D.** Câu cầu khiến
4. “*Thạch Lam (1910 – 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lân), sinh tại Hà Nội, trong một gia đình công chức gốc quan lại… Thạch Lam là một người đôn hậu và rất đỗi tinh tế. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Ông thường viết những truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ trong cuộc sống hàng ngày.*”

(SGK Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục, tr.94)

Đặt trong ngữ cảnh của cả đoạn, chữ “tinh tế” có nghĩa là:

* 1. nhạy cảm, tế nhị, có khả năng đi sâu vào những chi tiết rất nhỏ, rất sâu sắc.
	2. tư chất nghệ sĩ.
	3. sự không chuyên, thiếu cố gắng.
	4. thấu hiểu sự đời.
1. *Giữa hồ nơi có một tòa tháp cổ kính*, câu trên mắc lỗi gì?
	1. Thiếu chủ ngữ **B.** Thiếu vị ngữ

**C.** Thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ **D.** Sai quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu.

1. “*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước/ Chỉ cần trong xe có một trái tim.”* (*Bài thơ về tiểu đội xe không kính* – Phạm Tiến Duật)

Từ nào trong câu thơ trên được dùng theo nghĩa chuyển?

* 1. Chạy **B.** Miền Nam **C.** Xe **D.** Trái tim
1. Xác định từ loại của các từ sau: *toan, định, dám*?
	1. Danh từ **B.** Động từ **C.** Tính từ **D.** Phó từ Dựa vào các thông tin được cung cấp dưới đây để trả lời các câu từ 16 đến 20

*“Không ai muốn chết. Ngay cả những người muốn được lên thiên đường, cũng không muốn phải chết để tới đó. Nhưng Cái Chết là đích đến mà tất cả chúng ta đều phải tới. Chưa ai từng thoát khỏi nó. Và nên là như thế, bởi có lẽ Cái Chết là phát minh tuyệt vời nhất của Sự Sống. Nó là tác nhân thay đổi cuộc sống. Nó loại bỏ cái cũ để mở đường cho cái mới. Bây giờ cái mới là bạn, nhưng một ngày nào đó không xa, bạn sẽ trở nên cũ kỹ và bị loại bỏ. Xin lỗi vì đã nói thẳng nhưng điều đó là sự thật.*

*Thời gian của bạn có hạn nên đừng lãng phí thời gian sống cuộc đời của người khác. Đừng bị mắc kẹt trong những giáo điều, đó là sống chung với kết quả của những suy nghĩ của người khác. Đừng để những quan điểm của người khác gây nhiễu và lấn át tiếng nói từ bên trong bạn. Điều quan trọng nhất là có can đảm để đi theo trái tim và trực giác của mình. Chúng biết bạn thực sự muốn trở thành gì. Mọi thứ khác đều chỉ là thứ yếu…”*

*(Bài phát biểu tại Lễ Tốt nghiệp tại Stanford, Steve Job)*

1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:
	1. Tự sự **B.** Miêu tả **C.** Nghị luận **D.**Thuyết minh
2. Phong cách ngôn ngữ của văn bản là:
	1. Sinh hoạt. **B.** Chính luận. **C.** Nghệ thuật. **D.** Báo chí.
3. Theo tác giả, cái gì là đích đến mà chúng ta đều phải tới?
	1. Cái chết **B.** Sự sống **C.**Thành công **D.** Trưởng thành
4. Từ “thứ yếu” trong câu văn “Mọi thứ khác đều chỉ là thứ yếu…” có nghĩa là:
	1. Quan trọng **B**. Cấp bách

**C.** Cần thiết **D.** Không quan trọng lắm

1. Chủ đề chính của đoạn văn là:
	1. Cuộc sống là không chờ đợi
	2. Cần sáng tạo không ngừng trong cuộc sống
	3. Mọi thành công cần trải qua nỗ lực
	4. Chấp nhận thủ tiêu những yếu tố lạc hậu, cũ kĩ để tự đổi mới, sáng tạo không ngừng. Đủ niềm tin để làm việc mình muốn, sống là chính mình.

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. A** | **2. D** | **3. A** | **4. B** | **5. D** | **6. B** | **7. A** | **8. D** | **9. B** | **10. C** |
| **11. D** | **12. A** | **13. C** | **14. D** | **15. B** | **16. C** | **17. B** | **18. A** | **19. D** | **20. D** |

**PHẦN 1. NGÔN NGỮ**

* 1. **TIẾNG VIỆT**
1. **A**

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Các thành phần biệt lập*

## Cách giải:

* Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.
* Thành phần cảm thán được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói.
* Thành phần gọi đáp được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp.
* Thành phần phụ chú được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.
* Có lẽ: thành phần tình thái

## Chọn A.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ kiến thức đã học trong bài *An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy*

## Cách giải:

*Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy* là truyền thuyết kể về sự kiện lịch sử mất nước Âu Lạc và mối tình giữa Mị Châu và Trọng Thủy. Như vậy truyện phản ánh mối quan hệ: quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, quan hệ giữa gia đình và Tổ quốc, quan hệ giữa tình yêu cá nhân và tình yêu Tổ quốc.

## Chọn D.

1. **A**

**Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm của các thể thơ đã học

## Cách giải:

Quan sát hình thức đoạn thơ ta sẽ thấy đoạn thơ gồm có 4 câu, mỗi câu thơ 7 chữ.

## Chọn A.

1. **B**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Liên kết câu và liên kết đoạn văn*

## Cách giải:

* Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.
* Về hình thức, các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính như sau:

+ Lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước (phép lặp từ ngữ)

+ Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước (phép đòng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng)

+ Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước (phép thế)

+ Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước (phép nối)

* Câu trên sử dụng phép thế: “cô bé” ở câu 1 được thế bằng từ “nó” ở câu 2.

## Chọn B.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ vào bài thơ *Tương tư*

## Cách giải:

Đoạn thơ trong bài thơ *Tương tư* trích đầy đủ như sau: “*Nhà em có một giàn giầu,*

*Nhà anh có một* ***hàng cau*** *liên phòng*”

## Chọn D.

1. **B**

**Phương pháp:** căn cứ bài *Chữa lỗi dùng từ*

## Cách giải:

* Các lỗi dùng từ:

+ Lỗi lặp từ.

+ Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.

+ Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

* Câu Anh ấy là người có tính khí rất nhỏ nhoi, mắc lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

+ Từ dùng sai: nhỏ nhoi (Nhỏ nhoi là nhỏ bé, ít ỏi, gây ấn tượng yếu ớt)

+ Sửa lại: nhỏ nhen (Nhỏ nhen là tỏ ra hẹp hòi, hay chấp nhặt, thù vặt)

## Chọn B.

1. **A**

**Phương pháp:** Căn cứ kiến thức đã học trong bài *Vợ chồng A Phủ*

## Cách giải:

*Vợ chồng A Phủ* là truyện ngắn viết về Mị và A Phủ - hai con người không chịu khuất phục số phận. Họ là những con người Tây Bắc mang trong mình sức sống tiềm tàng.

## Chọn A.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Từ láy*

## Cách giải:

* Từ láy có hai loại: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận:

+ Từ láy toàn bộ, các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn; nhưng cũng có một số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm cuối để tạo sự hài hòa về mặt âm thanh.

+ Ở từ láy bộ phận giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc vần.

* Các phương án: A, B, C vẫn có từ ghép
	1. buôn bán: từ ghép
	2. tươi tốt: từ ghép
	3. Đỏ đen: từ ghép
	4. Lấp lánh, lung linh, lao xao, xào xạc : từ láy

## Chọn D.

1. **B**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Chữa lỗi dùng từ*

## Cách giải:

* Các lỗi dùng từ:

+ Lỗi lặp từ.

+ Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.

+ Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

* Từ dùng sai là: Sáng lạng => Mắc lỗi lẫn lộn giữa các từ gần âm
* Sửa lại: Xán lạn

## Chọn B.

1. **C**

**Phương pháp**: Căn cứ bài *Chữa lỗi dùng từ*

## Cách giải:

* Các lỗi dùng từ:

+ Lỗi lặp từ.

+ Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.

+ Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

* Câu ***Ông họa sĩ già nhấp nháy bộ ria mép, đăm chiêu nhìn bức tranh treo trên tường,*** dùng sai từ nhấp nháy.
* Sửa lại: mấp máy

## Chọn C.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ các kiểu câu phân theo mục đích nói đã học: *câu trần thuật, câu cảm thán, câu nghi vấn, câu cầu khiến,…*

## Cách giải:

Câu cầu khiến có từ ngữ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ,… đi, thôi, nào,… hay ngữ điệu cầu khiến; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo,…

* Câu: *Hãy lấy gạo mà lễ tiên vương;* sử dụng từ cầu khiến “hãy” nên đây là kiểu câu cầu khiến.

## Chọn D.

1. **A**

**Phương pháp:** Căn cứ vào bài *Nghĩa của từ*

## Cách giải:

Nghĩa của từ “tinh tế” nhạy cảm, tế nhị, có khả năng đi sâu vào những chi tiết rất nhỏ, rất sâu sắc.

## Chọn A.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ*

## Cách giải:

Cách giải:

* Câu thiếu chủ ngữ
* Câu thiếu vị ngữ
* Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ

Câu ***Giữa hồ nơi có một tòa tháp cổ kính*** chỉ có phần trạng ngữ, chưa có chủ ngữ và vị ngữ.

## Chọn C.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ bài *Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ*

## Cách giải:

* Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa. Từ nhiều nghĩa là kết quả của hiện tượng chuyển nghĩa.
* Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác. Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.
* Từ “trái tim” là từ được dùng theo nghĩa chuyển, “trái tim” để chỉ những chiến sĩ ngày đêm vẫn lên đường vì miền Nam thân yêu. Phương thức chuyển nghĩa là hoán dụ.

## Chọn D.

1. **B**

**Phương pháp:** Căn cứ các từ loại đã học

## Cách giải:

* Động từ là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật.
* Động từ thường kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy*, *đừng, chớ*… để tạo thành cụm động từ.
* Động từ chia làm hai loại:

+ Động từ tình thái (thường đòi hỏi có động từ khác đi kèm)

+ Động từ chỉ hành động, trạng thái : động từ chỉ hành động (đi, đứng, nằm, hát…) và động từ trạng thái (yêu, ghét, hờn, giận…)

* Các từ: toan, định, dám thuộc loại động từ tình thái, động từ này đòi hỏi phải có động từ khác đi kèm theo. Ví dụ: Định đi, toan làm, dám nghĩ.

## Chọn B.

1. **C**

**Phương pháp:** Căn cứ vào đặc điểm của các phương thức biểu đạt đã học

## Cách giải:

* Đoạn văn trên bàn luận về vấn đề con người muốn sáng tạo cần phải chấp nhận thủ tiêu những cái cũ kĩ, lạc hậu.
* Phương thức biểu đạt nghị luận.

## Chọn C.

1. **B**

**Phương pháp:** Căn cứ vào đặc trưng của các phong cách ngôn ngữ đã học

## Cách giải:

* Phong cách ngôn ngữ chính luận gồm có 3 đặc trưng cơ bản:

+ Tính công khai về quan điểm chính trị

+ Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận

+ Tính truyền cảm, thuyết phục

* Đoạn văn trên thỏa mãn các đặc điểm của phong cách ngôn ngữ chính luận:

+ Tính công khai về quan điểm chính trị: Tác giả bày tỏ rõ quan điểm của mình về đích cuộc sống và làm thế nào để có thể sáng tạo, có thể sống là chính mình.

+ Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận: Tác giả đưa ra quan điểm đâu là cái đích của cuộc sống. Từ đó tác giả khẳng định làm thế nào để sống có ý nghĩa, sống là chính mình.

+ Tính truyền cảm, thuyết phục: Dẫn dắt vấn đề logic và dễ hiểu, ngôn từ giản dị nhưng sâu sắc

## Chọn B.

1. **A**

**Phương pháp:** Đọc, tìm ý

## Cách giải:

*Nhưng Cái Chết là đích đến mà tất cả chúng ta đều phải tới.*

## Chọn A.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ vào bài *Nghĩa của từ*

## Cách giải:

Từ “thứ yếu” có nghĩa là không quan trọng lắm.

## Chọn D.

1. **D**

**Phương pháp:** Căn cứ nội dung đoạn văn

## Cách giải:

Nội dung của đoạn văn chấp nhận thủ tiêu những yếu tố lạc hậu, cũ kĩ để tự đổi mới, sáng tạo không ngừng. Đủ niềm tin để làm việc mình muốn, sống là chính mình.

## Chọn D.